

Số: 231 /QĐ-UBND

Thọ Xuân, ngày 25 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN THỌ XUÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Theo hồ sơ đánh giá đánh giá, biên bản họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật ngày 22 tháng 01 năm 2019;

Xét đề nghị của Trường phòng Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 41 xã trên địa bàn huyện Thọ Xuân đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2018 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trường phòng Tư pháp; Trưởng các phòng, ban, ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các xã có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tư pháp (b/c);
- TT Huyện ủy, HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (b/c);
- Lưu: VT, TP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Huy Hoàng

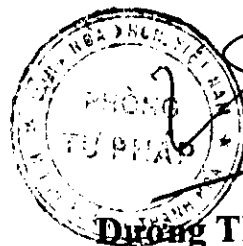
Thọ Xuân, ngày 25 tháng 01 năm 2019

**DANH SÁCH
CÁC XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT NĂM 2018**

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
I	Loại I							
1	Xuân Khánh	90,25	13,5	30	18	8,75	20	98,67%
2	Thọ Nguyên	93	14	30	19	10	20	100%
3	Xuân Phong	90,25	13,5	30	18	8,75	20	95,40%
4	Thọ Lộc	90,25	13,5	30	18	8,75	20	97,10%
5	TT Thọ Xuân							
6	Nam Giang	98	15	30	23	10	20	95,50%
7	Bắc Lương	93	14	30	19	10	20	100%
8	Tây Hồ	91,25	13,5	30	18	9,75	20	97,61%
9	Hạnh Phúc	96,5	13,5	30	24	9	20	98,18
10	Xuân Thành	93	14	30	19	10	20	100%
11	Xuân Trường	98	15	30	23	10	20	95,50%
12	Xuân Quang	91,25	13,5	30	18	9,75	20	97,61%
13	Xuân Hoà	98	15	30	23	10	20	95,50%
14	Thọ Hải	93	14	30	19	10	20	100%
15	Thọ Lâm	94	12,5	30	22,5	22,5	20	100%
16	Thọ Diên	93	14	30	19	10	20	100%
17	Xuân Giang	95	15	30	23	7	20	100%
18	Xuân Hưng	91,25	13,5	30	18	9,75	20	97,61%
19	Xuân Sơn	98	15	30	23	10	20	95,50%
20	TT Sao Vàng							
21	Xuân Bái	93	14	30	19	10	20	100%
22	Xuân Phú	90,25	13,5	30	18	8,75	20	97,10%
23	Xuân Thắng							
24	Thọ Xương	98	15	30	23	10	20	95,50%
25	Xuân Lam	93	14	30	19	10	20	100%
26	Xuân Thiên	94	12,5	30	22,5	22,5	20	100%

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
27	Thọ Lập	96,5	13,5	30	24	9	20	98,18
28	Xuân Châu	90,25	13,5	30	18	8,75	20	98,67%
29	Xuân Tín	98	15	30	23	10	20	95,50%
30	Thọ Thắng	90,25	13,5	30	18	8,75	20	97,10%
31	Quảng Phú	98	15	30	23	10	20	95,50%
32	Phú Yên	94	12,5	30	22,5	9	20	100%
33	Xuân Lai							
34	Xuân Yên	93	14	30	19	10	20	100%
35	Xuân Lập	96,5	13,5	30	24	9	20	98,18%
36	Thọ Minh	95	15	30	23	7	20	100%
37	Xuân Minh	94	12,5	30	22,5	9	20	100%
38	Xuân Tân	94,5	15	30	21	8,5	20	100%
39	Xuân Vinh	90,25	13,5	30	18	8,75	20	98,67%
40	Thọ Trường	98	15	30	23	10	20	95,50%

TRƯỞNG PHÒNG



Dương Thị Hiền